VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 12 năm 2024 ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 03 + 04)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
654	Lufenuron 50g/l + Metaflumizone 200 g/l	Truemax 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Zumon Super 250SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Kiên Nam
655	Liuyangmycin (min 90%)	ANB52 Super 100EC	nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
		Map Loto 10EC	nhện đỏ/ xoài, cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ phấn/ đậu côve; rệp muội/ quýt	Map Pacific Pte Ltd
656	Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm) (min 98%)	Agri-one 1SL	sâu khoang/ lạc, đậu côve; dòi đục lá/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; sâu cuốn lá/ lúa; nhện	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Long

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè	
		Ajisuper 0.5SL, 1EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Aphophis 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Asin 0.5SL	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Đầu trâu Jolie 1.1SP	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dotrine 0.6 SL	sâu tơ/ bắp cải, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Ema 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu	Công ty CP SX - TM -DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/ điều; bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài	
		Faini 0.288EC, 0.3 SL	**0.288EC**: rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè **0.3SL**: sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Kobisuper 1SL	nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ hoa cúc, cam; ruồi hại lá/ đậu tương; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; nhện đỏ/ nho; sâu đục quả, dòi đục lá/ đậu đũa; ruồi hại lá/ cây bó xôi; sâu khoang/ lạc; sâu xanh/ thuốc lá; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
		Ly 0.26SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Marigold 0.36SL	rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê; rầy xanh/ xoài; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ vải; bọ xít/ điều; sâu đục quả/ chôm chôm; sâu tơ/ bắp cải; thối	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			quả/ xoài; mốc xám/ nho; sương mai/ dưa hấu, cà chua	
		Plasma 3EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP QT APC Việt Nam
		Sakumec 0.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sokonec 0.36 SL	sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu đục quả/ đậu côve; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Sokupi 0.5SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; sâu khoang/ lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/ thuốc lá, cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Wotac 16EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
657	Matrine 0.5% + Oxymatrine 0.1%	Disrex 0.6 SL	sâu ăn hoa/ xoài, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH An Nông
658	Matrine 2g/l + Quinalphos 250g/l	Nakamura 252 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
659	Metaflumizone (min 96%)	Ataflu 240SC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		DN Methaomizol 260SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Lumizon 240SC	sâu đục quả/cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
		Like-HP 240SC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Takiwa 22SC	sâu tơ/cải bắp; sâu khoang/hành	Công ty CP BMC Việt Nam
		Verismo 240SC	sâu khoang/hành; sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
660	Metaflumizone 10% + Methoxyfenozide 10%	Margo 20SC	sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
661	Metaflumizone 150 g/l + Methoxyfenozide 150 g/l	Metadi 300SC	sâu xanh da láng/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Global Farm
662	Metaflumizone 200 g/l + Methoxyfenozide 200 g/l	MDMetometa 400SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Mạnh Đan

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
663	*Metarhizium anisopliae*	Metaran 10^8 CFU/g WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Naxa 800DP	rầy nâu/lúa	Công ty CP sinh học NN Hai Lúa Vàng
		Ometar 1.2 x 10^9 bào tử/g	rầy, bọ xít/ lúa; bọ cánh cứng/ dừa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
664	Methoxyfenozide (min 95%)	Gold Wing 24SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Masterole 24SC	sâu xanh da láng/cải bắp	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Newrice 230SC	sâu xanh da láng/cải bắp	Công ty CP S New Rice
		Prodigy® 240SC	sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu xanh da láng/ cải bắp; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Profendi 240SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Gap Agro
		Swin 240SC	sâu khoang/cải bắp	Công ty CP Thuốc BVTV Tiên Tiến
		TCT Sieu 240SC	sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Zylo 240SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH UPL Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
665	Methoxyfenozide 150 g/l + Pyridalyl 90 g/l	Mepyda 240SC	sâu keo mùa thu/ ngô, sâu xanh da láng/cải bắp, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
666	Methoxyfenozide 300g/l + Spinetoram 60g/l	Pixy® 360SC	sâu keo mùa thu/ ngô; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
667	Methylamine avermectin (min 70%)	Aicmectin 75WG	rầy xanh/ chè, sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Hagold 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Lutex 1.9EC, 5.5WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá/lúa **5.5WG:** sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
668	Methyl butyrate	Map rigo 3.2 SL	sâu xanh da láng/ hành, nhện đỏ/ cam	Map Pacific Pte Ltd
669	Milbemectin (min 92%)	Cazotil 1EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
670	Naled (Bromchlophos) (min 93%)	Dibrom 50EC	bọ xít hôi/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		TĐK Epoxyco 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
671	Natural rubber	Map Laba 10EC	rệp sáp/ ổi, nhện đỏ/ cam	Map Pacific Pte Ltd
672	Nitenpyram (min 95%)	Acnipyram 50WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		AT-Army 50SP	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Benusa 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Charge 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Doramto 50SP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		Dyman 500WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Elsin 10EC, 500SL, 600WP	**10EC:** rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; rệp/ đậu tương **500SL:** rầy nâu/lúa **600WP:** rầy nâu/lúa, rệp muội/đậu tương	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Fonica 600WP	rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Luckyram 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Nitensuper 220SL, 500WP	**220SL:** bọ trĩ/ điều, rầy nâu/ lúa **500WP**: bọ xít muỗi/ điều; rầy nâu, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Soso 500WG	rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Super King 500SL, 600WP	bọ phấn trắng/ sắn	Công ty TNHH Việt Đức
		TVG28 650SP	bọ phấn trắng/ sắn; rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Ω-ram 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
673	Nitenpyram 150g/kg (15%) + Pymetrozine 200g/kg (20%)	Asa Ray 350OD	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Nitop 35OD	rầy chổng cánh/phật thủ, rệp muội/ đậu tương, bọ phấn trắng/ sắn	Công ty CP Global Farm
674	Nitenpyram 20% (200g/kg) + Pymetrozine 60% (600g/kg)	ADU-Matty 800WG	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Maxram 800WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Phú Nông
		Meniten 800WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Global Farm
		Nitendo 80WG	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Osago 80WG	bọ phấn/sắn, rầy nâu/ lúa, rầy chổng cánh/ phật thủ	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Phoppaway 80WG	rệp muội/mía	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Samurai 800WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Star Chase 80WG	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Vuachest 800WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TAT Hà Nội
675	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT Led 70WG, 70WP	**70WG:** rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/ lúa; mọt đục quả, rệp sáp/cà phê **70WP:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
676	Nitenpyram 30% (300g/kg) + Pymetrozine 40% (400g/kg)	Laroma 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Nisangold 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Ramsing 700WP, 700WG	**700WP:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê **700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
677	Nitenpyram 30% (50%) + Pymetrozine 40% (25%)	Lkset-up 70WG, 75WP	**70WG:** rầy nâu/ lúa **75WP:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
678	Nitenpyram 50% + Pymetrozine 25%	Nypydo 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
679	Nitenpyram 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Palano 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
680	Nitenpyram 150 g/kg + Pymetrozine 450 g/kg	Titan 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
681	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 40%	Auschet 80WP	rầy nâu nhỏ/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
682	Nitenpyram 20% + Pymetrozine 50%	Pytenram 70WG	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Kona Crop Science
683	Nitenpyram 500g/kg + Pyriproxyfen 220g/kg	Supercheck 720WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
684	Nitenpyram 450g/kg + Tebufenozide 200g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Facetime 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
685	Nitenpyram 500 g/kg + Spiromesifen 200g/kg	Ang-Sachray 700WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
686	Novaluron (min 96%)	Rimon 10EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		True 100EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Uniron 100EC	sâu khoang/ớt	Công ty TNHH UPL Việt Nam
687	Oxymatrine (min 98%)	Vimatrine 0.6 SL	bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu tơ/ rau cải ngọt; ruồi hại lá/ cải bó xôi; bọ phấn, sâu đục quả, sâu xanh da láng/ cà chua; bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
688	Permethrin (min 92%)	Army 10EC	sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
		Asitrin 50EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clatinusa 500EC	sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Crymerin 50EC	mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; sâu róm/ điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Fullkill 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Forward International Ltd
		Galaxy 50EC	sâu xanh/ lạc, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kilsect 10EC	sâu khoang/lạc; bọ trĩ, sâu phao/ lúa; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều	Hextar Chemicals Sdn, Bhd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Map-Permethrin 50EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu đục quả/ đậu tương, sâu xanh da láng/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Map Pacific Pte Ltd
		Megarin 50 EC	sâu xanh/ đậu tương, rầy thánh giá/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Patriot 50EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu đục thân, sâu keo/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Peran 50 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu ăn tạp, sâu đục quả/ đậu tương; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Lion Agrevo
		PER annong 100EW, 500EC	**100EW:** rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa **500EC**: bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục hoa/ đậu tương, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Perkill 50 EC	sâu xanh/ đậu xanh; rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Permecide 50 EC	sâu khoang/ lạc, bọ xít muỗi/ điều, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Pernovi 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông Việt
		Perthrin 50EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu ăn tạp/ bông vải; rệp sáp/ cà phê; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Đồng Xanh
		Pounce 50EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Terin 50EC	bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, bọ xít, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tigifast 10 EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungperin 50 EC	sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; dòi đục lá/ đậu tương; sâu đục ngọn/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân/ mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
689	Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l	Checksau TSC 500EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
690	Permethrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Ferlux 350EC	sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
691	Petroleum spray oil (min 97%)	Citrole 96.3EC	rệp sáp, nhện đỏ/cam; sâu vẽ bùa, rệp muội/ quýt	TotalEnergies Fluids
		Dầu khoáng DS 98.8 EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cây có múi	Công ty CP Đồng Xanh
		DK-Annong Super 909EC	rầy xanh/ chè; rệp sáp/ cà phê; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH An Nông
		Medopaz 80EC	bọ trĩ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam	Kital Ltd.
		SK Enspray 99 EC	nhện đỏ/ chè, cam; nhện lông nhung/nhãn, sâu hồng đục quả/ bưởi	Công ty CP BVTV Sài Gòn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Vicol 80 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
692	Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92%)	Elsan 50 EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh, sâu ăn lá/ thuốc lá; rệp/ bông vải; sâu đục thân/ mía; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Forsan 60 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Forward International Ltd
		Phetho 50 EC	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Pyenthoate 50 EC	sâu đục thân/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Vifel 50 EC	sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
693	Phosalone (min 93%)	Pyxolone 35 EC	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
		Saliphos 35 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu keo/ ngô, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
694	Pirimicarb (min 95%)	Altis 50WP	rệp muội/ thuốc lá	Công ty CP Nicotex
		Ahoado 50WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TCT Hà Nội
695	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Piripro 550EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
696	*Plutella xylostella* granulosis virus (PXGV)	Nosivirus No.1 SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nông Sinh
697	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết (*Gleditschia australis)*, Hy thiêm (*Siegesbeckia orientalis)*, Đơn buốt (*Bidens pilosa)*, Cúc liên chi dại (*Parthenium hystherophorus)*	Anisaf SH-01 2SL	rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/ dưa chuột; sâu khoang, muội đen, rệp đào/ thuốc lá, sâu đục cuống quả/ vải, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)
698	Profenofos (min 87%)	Binhfos 50EC	bọ trĩ/ lúa; rệp, sâu khoang/ bông vải; rệp/ ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Callous 500EC	sâu khoang/ đậu xanh, sâu đục thân/ ngô, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Carina 50EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/ cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Chopyfos 400EC	rệp sáp/mía	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		Cleaver 45EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Naviphos 500EC	sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Khử trùng Nam Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Nongiaphat 500EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Pumagold 50EC	sâu keo mùa thu/ngô; sâu khoang/lạc	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		Ronado 500EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Selecron® 500 EC	sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, nhện đỏ/ bông vải; sâu cuốn lá, rầy xanh/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
699	Profenofos 10% + Phoxim 30%	MDPhonecron 40EC	sâu đục thân/ngô	Công ty CP Mạnh Đan
700	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Newdive 350EC	nhện đỏ/lạc, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
701	Profenofos 450g/l + Thiamethoxam 100g/l	Thipro 550EC	rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
702	Profenofos 100 g/l + Thiamethoxam 147g/l	Tik wep 247 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
703	Propargite (min 85%)	Atamite 73EC	nhện đỏ/ hoa hồng, cam; nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Bigmite 73EC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		BN-Mite 570EC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Comite® 73 EC, 570EW	**73EC:** nhện đỏ/ chè, cải bẹ xanh, lạc, cam, sắn; nhện gié/ lúa **570EW:** nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ chè, cam, lạc, sắn	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Daisy 57EC	nhện đỏ/ chè, cam	Công ty CP Nicotex
		Hacomai 57EC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Kamai 730 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Saromite 57EC	nhện đỏ/ chè; nhện gié, bọ phấn /lúa, nhện lông nhung/ nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Starpagit 73EC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Biostars
		Superrex 73 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Topspider 570EC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
704	Propargite 150g/l + Pyridaben 50g/l	Muteki 200EC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
705	Propargite 300g/l + Pyridaben 200g/l	Proben super 500EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
706	Prothiofos (min 95%)	Sheba 50EW	rệp sáp/ cà phê, sâu keo mùa thu/ ngô	Sinon Corporation
707	Pyflubumide (min 94%)	Shogun 20SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
708	Pymetrozine (min 95%)	Bless 500WP	rầy nâu, bọ xít/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Checknp 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Chelsi 50WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Chess® 50WG	rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ phấn/lúa; bọ trĩ, rầy bông/ xoài; rệp đào/ khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Cheesapc 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
		Cheestar 50WG	rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài, rầy xanh/ chè	Công ty CP Nicotex
		Chersieu 50WG	rầy nâu, bọ xít dài/ lúa, rệp sáp giả/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Chits 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Agriking

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Gepa 50WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		F35 25WP	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Hichespro 500WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hits 50WG	rầy nâu/ lúa, nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/ cà phê; rệp muội, bọ phấn/ cải xanh	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Jette 50WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Longanchess 70WP, 700WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Map sun 500WP	rầy nâu/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
		Matoko 50WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		NBChestop 50WG	bọ trĩ/ hoa cúc	Công ty TNHH Nam Bắc
		Newchestusa 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oscare 100WP, 600WG	**600WG:** rầy nâu, bọ trĩ /lúa **100WP:** rệp bông xơ/mía, rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Pylon 50WG	rầy bông/xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Rayzin 25WP	bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sagometro 50WG	rầu nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Schezgold 500WG	rầy xanh/chè, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Scheccjapane super 750WG	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-osa 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
709	Pymetrozine 40% + Spirotetramat 25%	Pimero 65WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Sunwa
710	Pymetrozine 65% + Thiamethoxam 5%	Chery 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
711	Pymetrozine 400g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Tvusa 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
712	Pymetrozine 300g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Topchets 650WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
713	Pyrethrins (min 20%)	Bopy 14EC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Mativex 1.5EW	rệp/ bắp cải, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
		Nixatop 3.0CS	rệp muội, sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicotex
714	Pyrethrins 2.5% + Rotenone 0.5%	Biosun 3EW	rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhảy/ rau cải; bọ phấn/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
715	Pyridaben (min 95%)	Acarina 250EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Alfamite 150EC, 200WP	**150EC:** nhện gié/ lúa; nhện đỏ/hoa hồng **200WP:** nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bipimai 150EC	nhện đỏ/ hoa hồng	Côngty TNHH TM Bình Phương
		Coven 200EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Dandy 15EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietnhen 150EC	nhện gié/ lúa, nhện đỏ /hoa huệ	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Koben 15EC	bọ xít muỗi/ điều; rệp/ bông vải; nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Massy 200EC	sâu cuốn lá đầu đen/lạc	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Ongtrum 200EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tifany 150EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
716	Pyridaben 200 g/l + Quinalphos 300 g/l	Pyphos-HB 500EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
717	Pyridaben 9% + Spirodiclofen 18%	Yonmix 27SC	nhện đỏ/sắn	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
718	Pyridaben 150g/kg (150g/l) + Sulfur 250g/kg (350g/l)	Pyramite 400WP, 500SC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
719	Pyridalyl (min 91%)	Newpyri 100EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP S New Rice
		Sumipleo 10EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu keo mùa thu/ ngô, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Ω-Dalyn 100SC	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ cà chua	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
720	Pyridaphenthion (min 95%)	Difitox 200EC	rệp bông xơ/mía	Công ty CP BVTV I TW
721	Pyrifluquinazon (min 95%)	PQZ 20WG	rệp đào/khoai tây; bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Nichino Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
722	Pyriproxyfen (min 95%)	Lekima 100EC	bọ phấn/hoa hồng	Công ty CP BMC Việt Nam
		Permit 100EC	rệp sáp/ cà phê, tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Polafen 11EC	rệp sáp/roi	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Sunlar 110EC	sâu vẽ bùa/ cam	Sundat (S) PTe Ltd
723	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	nhện gié, sâu cuốn lá, bọ phấn trắng/ lúa; sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
724	Pyriproxyfen 170g/l (350g/kg) + Tolfenpyrad 130g/l (250g/kg)	Bigsun 300EC, 600WP	**300EC:** rầy nâu/ lúa **600WP**: rệp sáp/ cà phê, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
725	Quinalphos (min 70%)	Aquinphos 40EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Faifos 5GR, 25EC	**5GR:** sâu đục thân/ ngô, lúa **25EC:** rệp muội/ thuốc lá, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ bông vải, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kinalux 25EC	sâu khoang/ lạc; sâu ăn tạp/ đậu tương; rệp/ cà phê; sâu phao, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu đục ngọn/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Methink 25 EC	sâu phao, nhện gié/lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Obamax 25EC	sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê; sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Peryphos 25 EC	sâu phao/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Quiafos 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; vòi voi đục nõn/ điều; sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
		Quilux 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu đục ngọn/ điều, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Quintox 25EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
726	Quinalphos 230g/l + Thiamethoxam 40g/l	Inikawa 270EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
727	Rotenone	Bin 25EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/ đậu xanh, rệp muội/hồ tiêu	Công ty CP SAM
		Dibaroten 5 WP, 5SL, 5GR	**5WP:** sâu xanh/ cải bẹ, dưa chuột **5WP, 5SL, 5GR**: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/ cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/ nho;	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/ hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/ chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/ đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/ xoài	
		Fortenone 5 WP	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh/ đậu tương	Forward International Ltd
		Limater 7.5 EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; rệp, nhện đỏ, sâu đục quả/ ớt; rệp sáp/ bí xanh; nhện đỏ/ bí đỏ, hoa hồng; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng, dòi đục lá/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ/ chè; sâu vẽ bùa, rệp sáp, nhện đỏ/ cam; bọ xít/ nhãn; rệp/ xoài; sâu đục quả/ vải; rệp sáp/ na; sâu ăn lá/ cây hồng; sâu róm/ ổi	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Newfatoc 75WP, 75SL	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Rinup 50 EC, 50WP	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, lạc, đậu tương; sâu xanh/ cà chua; dòi đục lá/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; rệp đào/	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			thuốc lá; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu ăn hoa/ xoài	
		Trusach 2.5EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhảy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vironone 2 EC	sâu tơ/ cải thảo	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
728	Rotenone 5% (5g/l) (5g/l) + Saponin 14.5% (145g/l) (145g/l)	Sitto-nin 15BR, 15EC, 15SL	**15BR:** tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía, ốc bươu vàng/ lúa **15EC:** tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía **15SL:** ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
729	Rotenone 2.5% + Saponin 2.5%	Dibonin 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** bọ nhảy, sâu xanh/ cải xanh **5WP, 5SL, 5GR**: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/ cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/ nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/ hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/ chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/ đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
730	Rotenone 2g/kg + Saponin 148g/kg	Ritenon 150BR, 150GR	tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
731	Saponin	Map lisa 230SL	sâu tơ/bắp cải, sâu xanh bướm trắng/cải xanh; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Map Pacific Pte Ltd
732	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP-Thần Điền 78SL	rệp sáp, rệp vảy xanh, rệp nâu/ cà phê, xoài; rệp muội/ nhãn, vải; rệp/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa chuột; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Thành Phương
733	Sodium pimaric acid	Dulux 30EW	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nicotex
734	Spinetoram (min 86.4%)	Radiant® 60SC	sâu xanh da láng/ hành, lạc, đậu tương; dòi đục lá, sâu đục quả, bọ trĩ/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, nho, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá/ ớt; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ hoa hồng, chè; bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Pineram 60SC	sâu cuốn lá đầu đen/ lạc, bọ xít lưới/ hồ tiêu, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH TM -DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Thor 60SC	sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/ cà chua	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
735	Spinetoram 120 g/kg + Triflumezopyrim 100 g/kg	Hibifen® 220WG	rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
736	Spinosad (min 85%)	Akasa 25SC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu keo/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành, lạc; dòi đục lá, sâu đục quả/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; dòi đục quả/ ổi; sâu đục quả/ xoài	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Automex 100EC, 250SC, 250WP	**100EC, 250WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa **250SC**: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Bioarrow 100SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Daiwansin 25SC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Futai
		Efphê 25EC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH ADC
		Spicess 28SC	sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH An Nông
		Spincer 480SC	sâu tơ/cải bắp, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Spinki 25SC	bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá, sâu khoang/ cà chua; sâu xanh, rệp muội/ đậu	Công ty TNHH Phú Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông, rệp vảy/ xoài; rệp sáp/thanh long, sầu riêng; bọ trĩ/ ớt	
		Success 25SC	sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Sucsad 25SC	sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Nam Bắc
		Suhamcon 25SC, 25WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp muội, bọ nhảy sọc cong vỏ lạc/ bắp cải; rệp muội, bọ nhảy, sâu xanh da láng/ hành; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu đục quả, rệp muội/ đậu đũa; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		SV-Incomex 5SC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Wish 25SC	sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ hành	Công ty CP Đồng Xanh
737	Spirodiclofen (min 98%)	Brinka 240SC	nhện đỏ/ hoa cúc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Etong-nhện 340SC	nhện đỏ/ cam	Shanghai E-Tong Chemical Co., Ltd
		Goldmite 240SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Bigfive Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		MDSpifendor 340SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Mạnh Đan
		Omega-Spidermite 24SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Palman 150EC, 240SC	**150EC:** nhện đỏ/hoa hồng, cam **240SC:** nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Long Hiệp
		Phesolstamp 240SC	nhện đỏ/vải	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Pirotop 240SC	bọ phấn trắng/ sắn	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Setis 34SC	nhện đỏ/hoa hồng, hoa đồng tiền	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Spiro 240SC	nhện đỏ/quýt	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Spiromax 300SC	nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Tvramite 34SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		Yonlock 240SC	nhện đỏ/ cam, sanh	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
		Wilson 240SC	nhện đỏ/ cam, hoa hồng	Công ty CP Nông nghiệp HP

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
738	Spiromesifen (min 97%)	Oberon 240SC	nhện đỏ/cam, ớt	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Seprain 240SC	nhện đỏ/hoa hồng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
739	Spirotetramat (min 96%)	Armata 22.4SC	rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/cam	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd.
		Aspiro 150OD	rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Dotramat 150OD	bọ trĩ/xoài	Công ty CP Đồng Xanh
		Ecudor 22.4SC	nhện đỏ/hoa cúc	Công ty CP Agri Shop
		Faster 150OD, 22.4SC	bọ phấn/khoai tây	Công ty TNHH TM và PT Phú Thịnh
		Mario 22.4SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		MH-Kafar 22.4SC	bọ trĩ/chè	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
		Monaco 500SC	rệp sáp/cam	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Movento 150OD	rệp muội/ bắp cải, vải, dưa hấu; bọ trĩ/chè; rệp sáp/ thanh long, nhãn, cà phê, cam, hồ tiêu, xoài, sầu riêng; bọ trĩ, sâu đục quả, bọ	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			phấn/cà chua; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả, rệp sáp/bưởi; bọ trĩ, bọ phấn/ khoai tây; sâu đục cuống quả/nhãn, vải	
		Nicapi 150SC	rệp sáp giả/bưởi	Công ty TNHH ADC
		Ramat 120SC	rệp sáp/cam	Công ty CP Global Farm
		Sentinet 22.4SC	rệp sáp/bưởi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Seroto 224SC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóa nông AMC
		Sharma 22.4SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Speramet 150OD	rầy chổng cánh/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Suparep 22.4SC	bọ phấn/khoai tây; bọ trĩ/dưa chuột	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Vella 150SC	rệp sáp/thanh long; rệp muội/bắp cải	Công ty TNHH Nông nghiệp Mặt Trời Vàng
740	Spirotetramat 150 g/l + Thiamethoxam 150 g/l	Tiramat 300SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Gap Agro
741	*Spodoptera litura* NPV	Nosivirus No2 WG	sâu khoang/khoai lang; sâu xanh da láng/ dưa hấu	Công ty TNHH Nông Sinh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
742	Sulfoxaflor (min 95%)	Closer® 500WG	rầy nâu/lúa, rệp/ bông vải; rệp muội/đậu tương; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/ bông vải; bọ phấn trắng/ lúa; rệp muội/ ngô; bọ phấn/ khoai tây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
743	Sulfur (min 99%)	Bacca 80WG	nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa chất NN I
		Sul-AC 80WG	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Sul-elong 80WG	nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Sulfex 80WG	nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Sumitomo Chemical India Limited
		Tramuluxjapane 80WG	nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
744	Tebufenozide (min 98%)	Adu-feno 200SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Mimic® 20 SC	sâu xanh da láng/ thuốc lá, lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Racy 20SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		T-Fennozide 20SC	sâu khoang/lạc; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Nông dược Nhật Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Tezimax 200SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH US Agro
		VT-Nozide 200SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Xerox 20SC	sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
745	Tebufenpyrad 250g/kg (min 98%) + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	rầy nâu, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/hoa cúc; bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
746	Tetraniliprole (min 90%)	Vayego 200SC	sâu tơ/ bắp cải; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu keo mùa thu/ ngô; sâu khoang/ dưa hấu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
747	Tolfenpyrad (min 95%)	Aoba 15EC	bọ phấn/sắn; rệp muội/ngô; rệp bông xơ/mía	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
748	Thiacloprid (min 95%)	Calypso 240SC	bọ trĩ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Fentinat 48SC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Hostox 480SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Koto 240SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Zukop 480SC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
749	Thiamethoxam (min 95%)	Actara® 25WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ mía; bọ trĩ/ điều; rệp/ thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amira 25WG	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Anfaza 250WG, 350SC	**250WG:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê **350SC:** bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Apfara 25 WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Asarasuper 500SC, 250WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dop 25WG	bọ trĩ/ hoa cúc	Công ty CP Phát triển Dịch vụ Nông nghiệp IPM
		Falcon 25WG	bọ trĩ/lúa; rệp đào/khoai tây	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Fortaras 25WG	rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp, sâu đục cành/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Furacol 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Hercule 25WG	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Kovachick 300SC	rệp bông xơ/mía	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam
		Impalasuper 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Jiathi 25WP	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Nofara 35WG, 350SC	**35WG:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa **350SC:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Ranaxa 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Tata 25WG, 355SC	**25WG:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê **355SC:** rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thiamax 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Thionova 25WG	rầy nâu/ lúa; rệp muội, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vithoxam 350SC	rầy nâu/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
750	Thiodicarb (min 96%)	Click 75WP	bọ trĩ, ốc bươu vàng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Ondosol 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Pontiac 800WG	rệp sáp/ hồ tiêu	Rotam Asia Pacific Limited
		Supepugin 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Thio.dx 75WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
751	Triflumezopyrim (min 94%)	Pexena® 106SC, 20WG	**106SC:** rầy nâu, rầy lưng trắng, rầy nâu nhỏ/ lúa **20WG**: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
752	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) (Monosultap) (min 95%)	Acemo 180SL	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Apashuang 10GR, 18SL, 95 WP	**10GR:** sâu đục thân/ lúa, mía, ngô **18SL, 95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Binhdan 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/ lúa, mía, ngô **18SL:** rầy nâu, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu keo, rầy xanh/ lúa; sâu đục thân, rệp/ ngô; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục thân, rệp/ mía; rệp sáp/ cà phê **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy xanh/ lúa; sâu xanh/ đậu tương; rầy/ bông vải; sâu đục thân/ ngô, mía; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Catodan 18SL, 90WP	**18SL:** sâu cuốn lá/ lúa **90WP:** sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Colt 95 WP, 150 SL	**95WP**: sâu phao/ lúa **150SL**: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Dibadan 18 SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp bông xơ mía; rầy/ bông vải; rệp/ ngô **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ ngô; rầy/ bông vải; rệp sáp/ cà phê; rệp bông xơ/ mía	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Neretox 18 SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; châu chấu tre lưng vàng/ ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
		Netoxin 90WP	sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sát trùng đơn (Sát trùng đan) 5 GR, 18 SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/ lúa **18SL:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh/ đậu tương **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh/ đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Sadavi 18 SL, 95WP	**18SL**: bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa **95WP**: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/ lúa	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sanedan 95 WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Shaling Shuang 180SL, 950WP	**180SL:** sâu đục thân/ lúa **950WP**: sâu đục thân, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sha Chong Jing 95WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
		Sha Chong Shuang 18 SL, 50SP, 95WP	**18SL, 95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa **50SP:** sâu đục thân lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Taginon 18 SL, 95 WP	**18SL:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa **95WP:** rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tiginon 5GR, 18SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/ mía, lúa **18SL:** sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/ cà phê **95WP:** sâu xanh/ đậu xanh, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungsong 18SL, 95WP	**18SL**: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa **95WP**: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tvpyrafos 750WP	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Vietdan 3.6GR, 29SL, 95WP	**3.6GR:** sâu đục thân/ lúa **29SL:** bọ trĩ/ lúa **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vinetox 5GR, 18SL, 95SP	**5GR, 18SL:** sâu đục thân/ lúa **95SP:** rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vi Tha Dan 18 SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, sâu đục thân lúa **95WP**: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
753	*Verticillium chlamydosporium* ZK7	Nematodie GR	tuyến trùng/ cà chua, hồ tiêu	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Ascorbic acid 2.5% + Citric acid 3.0% + Lactic acid 4.0%	Agrilife 100 SL	bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài; thối nhũn vi khuẩn/bắp cải; thán thư/ớt; thán thư/thanh long; lúa von/lúa (xử lý hạt giống); đốm mắt cua/ ớt, đốm lá/ cà tím; héo xanh/ mướp, cà tím	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
2	Acrylic acid 4% (40g/l) + Carvacrol 1% (10g/l)	Som 5 SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá/ lúa; giả sương mai, mốc xám/ dưa chuột, xà lách, cà; thán thư/ ớt	Công ty TNHH Nam Bắc
		Stargolg 5SL	khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; thán thư/ớt	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
3	Acibenzolar-S-methyl (min 96%)	Bion 50 WG	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
4	Albendazole (min 98.8%)	Abenix 10SC	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá vi khuẩn/ lúa; vàng lá, thán thư/hồ tiêu	Công ty CP Nicotex
5	Albendazole 100g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Masterapc 600WG	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
6	Amisulbrom (min 96.5%)	Gekko 20SC	sương mai/cà chua, ớt; giả sương mai/dưa chuột; sưng rễ/ bắp cải; xì mủ/ sầu riêng, cam	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
7	Anacardic acid	Amtech 100EW	thối nhũn/ cải thảo, cải bắp; đốm vòng/ cà tím; giả sương mai/ dưa chuột, dưa lưới; thán thư/ thanh long, vải, xoài; loét/cam; sương mai/ cà chua, hành; thối búp/ chè; mốc xám/dâu tây; héo xanh/ớt; mốc sương/ nho	Công ty CP Nông nghiệp HP
8	Azoxystrobin (min 93%)	Amistar® 250 SC	đốm vòng/ cà chua; mốc sương, lở cổ rễ/khoai tây; thối quả/ca cao; sương mai, thán thư/ dưa hấu; sương mai/ cà chua; đốm nâu/ thanh long; thán thư/cam, xoài, vải, ớt, sầu riêng; đốm lá sigatoka/chuối	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Anpro 250SC	đốm vòng/cà chua	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Astro 250SC	thán thư/ớt	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Azo-elong 350SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Tập đoàn King Elong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Azony 25SC	khô vằn, đạo ôn/ lúa; sẹo/ cam, thán thư/xoài	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Envio 250SC	lem lép hạt/ lúa, đốm nâu/thanh long, thán thư/ xoài, sương mai/ dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Hametar 250SC	sương mai/cà chua	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hiache 23SC	thán thư/xoài, nho	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Majestic 250SC	thán thư hoa/ xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Mission 250SC	phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Overamis 300SC	thán thư/ xoài; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Oxystar 250SC	rỉ sắt/hoa cúc	Công ty TNHH Minh Hòa Phát
		Sam Robin 250SC	thán thư/ xoài	Công ty CP SAM
		Sinstar 250SC	đạo ôn/lúa	Sinon Corporation
		Sixoastrobin 25SC	đốm lá/ lạc	Công ty TNHH Sixon
		Solani 250SC	thán thư/ớt, xoài	Công ty TNHH Gap Agro

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Star.dx 250SC	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Trobin 250SC	đạo ôn, khô vằn/ lúa; thán thư/ xoài; ghẻ nhám/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
		Tvazostartop 300SC	thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược Unichem Việt Nam
		XinAzo 250SC	thán thư/xoài	Anhui Guangxin Agrochemical Co., Ltd.
9	Azoxystrobin 60g/l + Chlorothalonil 500g/l	Ameed Plus 560SC	rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ ớt, giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
		Mighty 560SC	sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Nowa 560SC	đốm vòng/ cà chua	Công ty TNHH Danken Việt Nam
10	Azoxystrobin 60 g/l + Chlorothalonil 600 g/l	Avial 660SC	thán thư/xoài	Agria S.A.
11	Azoxystrobin 100g/l + Chlorothalonil 500g/l	Azoxygold 600SC	lem lép hạt/ lúa; đốm nâu/ thanh long; sẹo/ cam; thán thư/ xoài	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Kata-top 600SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ortiva® 600SC	thán thư/ xoài; thán thư, đốm vòng/ ớt; giả sương mai/ dưa chuột; nấm hồng/ cà phê; thán thư, sương mai/ dưa hấu; thán thư, rỉ sắt/ cà phê; thán thư, đốm vòng, sương mai/ cà chua; đốm lá/ cà chua; vàng rụng lá, nứt vỏ khô mủ/ cao su	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
12	Azoxystrobin 90g/l + Chlorothalonil 700g/l	Kempo 790SC	sương mai/ dưa hấu	Công ty TNHH Trường Thịnh
13	Azoxystrobin 20% + Cymoxanil 30%	One clear 50WG	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Master AG
14	Azoxystrobin 200g/kg + Cyproconazole 75g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Cyat 525WG	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
15	Azoxystrobin 200 g/l + Cyazofamid 100 g/l	Runmun 300SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
16	Azoxystrobin 19% + Difenoconazole 11%	Azoagri 30SC	thán thư/cà phê	Công ty CP TM SX - XNK Otuksa Nhật Bản
17	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 120g/l	Vitrobin 320SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
18	Azoxystrobin 20% + Difenoconazole 12.5%	Azobin gold 32.5SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Thiên Bình

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
19	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l	Adiconstar 325SC	thán thư/ cà phê, hồ tiêu	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Afenzole 325SC	thán thư/cà phê	United Plant Protection Co., Limited
		Amistar Top® 325SC	khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; chết cây con/ lạc; phấn trắng/ hoa hồng; phấn trắng, vàng lá, khô nứt vỏ/cao su; đốm lá lớn, rỉ sắt, khô vằn/ ngô; thán thư/ hồ tiêu; thán thư, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amylatop 325SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; chết cây con/lạc, phấn trắng/cao su; vàng rụng lá/ cao su, phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Artivar Helmer 325SC	nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH B.Helmer
		Asmaitop 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azo Dino Zop 325SC	đốm đen/hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Azodife 325SC	thán thư/cà phê	Công ty CP SAM
		Azofenco 325SC	lem lép hạt/lúa	Kital Ltd.
		Hametar gold 325SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Keviar 325SC	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Mastertop 325SC	lem lép hạt/lúa; thán thư/cà phê, hồ tiêu; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Moneys 325SC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/hoa hồng	Rotam Asia Pacific Limited
		Ohho 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Phaybuc 325SC	chết ẻo cây con/lạc	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Star.top 325SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Supreme 325 SC	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Topmystar 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		TT-Over 325SC	lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; thán thư/cà phê; vàng lá/ khoai lang	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Trobin top 325SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; đốm nâu, lở cổ rễ/ lạc; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt, thán thư/ cà phê; thối gốc/ lạc; đốm vòng/khoai tây	Công ty TNHH Phú Nông
20	Azoxystrobin 255g/l + Difenoconazole 160g/l	Citeengold 415SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
21	Azoxystrobin (250g/l), (250g/kg) + Difenoconazole (250g/l), (250g/kg)	Amity top 500SC, 500SG	**500SC:** khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; phấn trắng/cao su; rỉ sắt/cà phê **500SG:** đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
22	Azoxystrobin 200g/l (400g/kg) + Difenoconazole 125g/l (250g/kg)	Myfatop 325SC, 650WP	**325SC:** đạo ôn, lem lép hạt/ lúa **650WP:** lem lép hạt/ lúa; nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH An Nông
23	Azoxystrobin 10g/kg, (50g/kg), (200g/l) + Difenoconazole 200g/kg, (200g/kg), (125g/l)	Audione 210WP, 250WG, 325SC	**210WP, 250WG:** lem lép hạt/ lúa **325SC:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
24	Azoxystrobin 200 g/l + Difenoconazole 150g/l	Amass TSC 350SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Ara-super 350SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; đốm lá/đậu tương; chết nhanh/hồ tiêu; sương mai/khoai tây	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Aviso 350SC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/ cao su; thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
		Maxtatopgol 350SC	phấn trắng/cao su	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Mi stop 350SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		X-Glider 350SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Agrimatco Việt Nam
25	Azoxystrobin 20% + Difenoconazole 15%	Navitop 35SC	khô cành, khô quả/ cà phê	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
26	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 150g/l	Anmisdotop 400SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Asmiltatop Super 400SC	lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Azotop 400SC	đạo ôn, lem lép hạt /lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Azosaic 400SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Bi-a 400SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Dovatop 400SC	thán thư/ điều, khoai môn; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; khô quả/cà phê; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Help 400SC, 400OD	**400SC:** lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn, đốm nâu/ lúa; thán thư/ hồ tiêu, hoa hồng, cà phê **400OD**: thán thư/ hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH ADC

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Paramax 400SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt, đốm lá/ ngô	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Upper 400SC	lem lép hạt, đạo ôn/lúa, vàng rụng lá/ cao su; thán thư/ cà phê; nứt thân xì mủ/ cao su; chết nhanh/hồ tiêu; lở cổ rễ/thuốc lá	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Walker 400SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Western Agrochemicals
27	Azoxystrobin 25% + Difenoconazole 15%	Uni-rich 40SC	rỉ sắt/ lạc, cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
28	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 220g/l	Majetictop 420SC	rỉ sắt/cà phê; lem lép hạt, đốm nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
29	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 175g/l	Vk.Lasstop 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
30	Azoxystrobin 325g/l + Difenoconazole 125g/l	Neoamistagold 450SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
31	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 200g/l	Amitop 450SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH TM Grevo
		A zol 450SC	đạo ôn/ lúa, sương mai/ khoai tây, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Toplusa 450SC	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
32	Azoxystrobin 300g/l + Difenoconazole 150g/l	Jiadeporo 450SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Miligo 450SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
33	Azoxystrobin 270g/l + Difenoconazole 180g/l	Tilgent 450SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
34	Azoxystrobin 60g/kg + Difenoconazole 200g/kg + Dimethomorph 100g/kg	Novistar 360WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Nông Việt
35	Azoxystrobin 210 g/l + Difenoconazole 130 g/l + Hexaconazole 50g/l	Mitop one 390SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
36	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Hexaconazole 50g/l	Curegold 375SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; khô cành khô quả/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
37	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Hexaconazole 100g/l	Starvil 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
38	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Osaka-Top 500SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
39	Azoxystrobin 150g/l + Difenoconazole 250g/l + Tebuconazole 25g/l	Nacazol-ND 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
40	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 80 g/l + Tricyclazole 200g/l	Athuoctop 480SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
41	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Tricyclazole 200g/l	Mix Perfect 525SC	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
42	Azoxystrobin 50g/l + Difenoconazole 250g/l + Tricyclazole 255g/l	Tilgermany super 555SC	lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
43	Azoxystrobin 20.1g/l (50g/kg) + Difenoconazole 12.6g/l (150g/kg) + Sulfur 294.3g/l (560g/kg)	Titanicone 327SC, 760WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
44	Azoxystrobin 5% + Dimethomorph 20%	Yezak 25SC	loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
45	Azoxystrobin 200 g/kg (20%) + Dimethomorph 100g/kg (10%)	Azomor 300WG	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Diabin 30WG	sương mai/ dưa hấu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dirobin 30WG	mốc sương/khoai tây	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
46	Azoxystrobin 20% + Dimethomorph 30%	Azomoonpro 50SC	thán thư/xoài	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Kanbai 50WP	đốm vòng/cải bắp; giả sương mai/dưa chuột	Công ty CP Nông dược Quốc tế Nhật Bản
47	Azoxystrobin 20% + Dimethomorph 40%	Avatop 60WG	sương mai/ dưa hấu	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
48	Azoxystrobin 20% + Dimethomorph 20%	Azofox 40SC	giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
49	Azoxystrobin 60g/kg + Dimethomorph 30g/kg + Fosetyl-aluminium 250g/kg	Map hero 340WP	thán thư/cà chua; giả sương mai/ dưa gang; mốc sương/ nho; đốm vòng/ bắp cải; thán thư, sương mai/ dưa hấu; thối thân, đốm nâu/ thanh long; sương mai/ cà chua; nứt thân chảy nhựa/ dưa hấu	Map Pacific Pte Ltd
50	Azoxystrobin 250 g/l (250g/kg) + Fenoxanil 200g/l (500g/kg)	Lk-Vill @ 450SC, 750WG	**450SC:** lem lép hạt/ lúa **750WG:** đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
51	Azoxystrobin 200g/kg (250g/l) + Fenoxanil 125g/kg (150g/l)	Omega 325WP, 400SC	**325WP:** đạo ôn/lúa; đốm vòng/ hành, sẹo/ cam **400SC:** đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; đốm vòng/ hành; ghẻ nhám/ cam; sương mai/bắp cải	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
52	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l	Trobin plus 400SC	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
53	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l + Hexaconazole 100g/l	Aha 500SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
54	Azoxystrobin 30g/l (60g/kg) + Fenoxanil 200g/l (350g/kg) + Kasugamycin 30g/l (40g/kg)	Surijapane 260SC, 450WP	**260SC:** đạo ôn/lúa **450WP**: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
55	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 210g/l + Ningnanmycin 40g/l	Lazerusa 450SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
56	Azoxystrobin 10g/l + Fenoxanil 200g/l + Tebuconazole 150g/l	Chilliusa 360SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
57	Azoxystrobin 200 g/l + Fluazinam 300 g/l	Balstop 500SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
58	Azoxystrobin 15% + Fludioxonil 15%	Chamnuri 30SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
59	Azoxystrobin 150g/l (200g/l) + Flusilazole 150g/l (150g/l)	Willsuper 300EC, 350SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
60	Azoxystrobin 12% + Flusilazole 8%	Fifatop 20SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
61	Azoxystrobin 30% + Flutolanil 30%	Padnia 60WG	đốm vòng/khoai tây	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
62	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Camilo 150SC	lem lép hạt, khô vằn, đốm nâu/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá, phấn trắng/ cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; thán thư/xoài	Công ty TNHH ADC
		Hextop 150SC	lem lép hạt, khô vằn /lúa; vàng rụng lá/cao su; thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Ori 150SC	vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
63	Azoxystrobin 8% + Hexaconazole 16%	Acaben Gold 24SC	đốm lá/hoa cúc	Công ty CP BVTV ATC
64	Azoxystrobin 80g/l + Hexaconazole 160g/l	BM Tepblast 240SC	rỉ sắt/cà phê	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
65	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 101g/l	Super cup 151SC	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
66	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 50g/l	Calox 250SC	vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
67	Azoxystrobin 10g/l (200g/kg) + Hexaconazole 60g/l (565g/kg)	Anforli 70SC, 765WG	**70SC:** khô vằn/lúa **765WG:** lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
68	Azoxystrobin 250g/l + Hexaconazole 70g/l	Acatop 320SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
69	Azoxystrobin 270g/l + Hexaconazole 90g/l	Fujivil 360SC	sẹo/cam	Công ty CP Nông dược Việt Nam
70	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 40g/l + Tricyclazole 220g/l	King-cide Japan 460SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
71	Azoxystrobin 10g/l + Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Avas Zin 260SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
72	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 100g/l + Tebuconazole 50g/l	Acdino 350SC	lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
73	Azoxystrobin 200 g/l + Isopyrazam 125 g/l	Reflect® Xtra 325 SC	khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
74	Azoxystrobin 200 g/l + Kasugamycin 50 g/l	Hottawa 250SC	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Kiên Nam
		Trobinsuper 250SC	chết nhanh/hồ tiêu; thán thư/ cà phê; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
75	Azoxystrobin 50 g/kg + Mancozeb 700 g/kg	Fineluck 750WG	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
76	Azoxystrobin 7% + Mancozeb 40%	Helan 47OS	thán thư/xoài	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
77	Azoxystrobin 20% + Metalaxyl-M 10%	Meazofungi 30SE	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Kết Nông
78	Azoxystrobin 282g/l + Metalaxyl-M 108g/l	Tvpyranil 390SC	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Newfarm Việt Nam
79	Azoxystrobin 56g/l + Prochloraz 200g/l + Tebuconazole 100g/l	Almagor 356EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
80	Azoxystrobin 110g/l + Propiconazole 185g/l	Pilarpro 295SE	đốm nâu/lạc	Công ty CP Phát triển Dịch vụ Nông nghiệp IPM
81	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 12%	Omega-Vil 32SC	chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/ đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
82	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 15%	Bn-azopro 35SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su	Công ty CP Bảo Nông Việt
83	Azoxystrobin 75g/l + Propiconazole 125g/l	Apropo 200SE	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Quilt® 200SE	đốm lá lớn/ ngô; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
84	Azoxystrobin 7% + Propiconazole 11.7%	Propazomix 18.7SC	rỉ sắt/cà phê	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
85	Azoxystrobin 1g/l (130g/l), (100g/kg) (200g/kg) + Propineb 10g/l (10g/l), (300g/kg) (10g/kg) + Tebuconazole 260g/l (200g/l), (100g/kg) (550g/kg)	Amisupertop 271EW, 340SC, 500WP, 760WG	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
86	Azoxystrobin 1g/l (260g/l), (50g/kg) + Sulfur 20g/l (10g/l), (460g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (250g/kg)	Topnati 281EW, 330SC, 760WP	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
87	Azoxystrobin 80 g/l + Tebuconazole 160 g/l	Buxyzole 240SC	thán thư/cà phê	Rotam Asia Pacific Co. Ltd.
88	Azoxystrobin 20% + Tebuconazole 30%	Omega-mytop 50SC	đốm lá đậu tương, rỉ sắt/ cà phê, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
89	Azoxystrobin 120g/l + Tebuconazole 200g/l	Custodia 320SC	đạo ôn, khô vằn/lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
90	Azoxystrobin 12.5% + Tebuconazole 12.5%	Carolin 25SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Hóa chất SAM
91	Azoxystrobin 200g/l (450g/kg) + Tebuconazole 200g/l (350g/kg)	Lotususa 400SC, 800WG	**400SC:** lem lép hạt/ lúa **800WG:** khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
92	Azoxystrobin 200 g/l + Tebuconazole 200 g/l	Tebaz 400SC	rỉ sắt/cà phê	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
93	Azoxystrobin 49% + Tebuconazole 36%	Trustar 85WG	thán thư/ điều	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
94	Azoxystrobin 400g/kg + Tebuconazole 100g/kg	Maxxa 500WG	đạo ôn; lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
95	Azoxystrobin 300g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Natiduc 800WG	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
96	Azoxystrobin 260g/l (100g/kg) + Tebuconazole 60g/l (350g/kg)	Natigold 320SC, 450WG	**320SC:** lem lép hạt, đạo ôn /lúa **450WG:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
97	Azoxystrobin 25% + Tebuconazole 50%	SV-Calida 75WP	đốm lá/lạc	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
98	Azoxystrobin 250g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Ameed top 750WG	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; đốm lá/ lạc, phấn trắng/ hoa hồng	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
99	Azoxystrobin 11% + Tebuconazole 18.3%	Tebazo 29.3SC	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
100	Azoxystrobin 100 g/l + Tetraconazole 80 g/l	Eminent excell 180SC	rỉ sắt/hoa cúc	Công ty TNHH Kỹ thuật sinh học Mekong
101	Azoxystrobin 0.2g/kg (100g/l), (10g/kg) + Tricyclazole 79.8g/kg (225g/l), (750g/kg)	Verygold 80WP, 325SC, 760WG	**80WP, 760WG:** đạo ôn/ lúa **325SC:** lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
102	Azoxystrobin 100g/l + Tricyclazole 225 g/l	Staragro 325SC	khô vằn/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
103	Azoxystrobin 30 g/l (50g/kg) + Tricyclazole 370g/l (750g/kg)	Azobem 400SC, 800WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Chất và TM Trần Vũ
104	Azoxystrobin 20g/l + Tricyclazole 400g/l	Top-care 420SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
105	Azoxystrobin 60g/l + Tricyclazole 400g/l	Roshow 460SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
106	Azoxystrobin 15g/kg + Tricyclazole 745g/kg	Bemjapane 760WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
107	Azoxystrobin 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Be-amusa 810WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
108	Azoxystrobin 200g/l + Tricyclazole 300g/l	Altista top 500SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
109	Azoxystrobin 20% + Thifluzamide 5%	Tvazomide 25WP	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
110	Azoxystrobin 20% + Thifluzamide 10%	Azotide 30SC	khô vằn/ngô	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
111	Azoxystrobin 200g/l + Zinc thiazole (min 95%) 300g/l	Onew 500SC	loét vi khuẩn/cam; lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
112	Bạc Nano 1g/l + Chitosan 25g/l	Nano Kito 2.6SL	nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Ngân Anh
113	*Bacillus subtilis*	Ace Bacis 111WP	đạo ôn/ lúa, mốc xám/ cà chua, phấn trắng/ dưa chuột	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Balus 111WP	đạo ôn/lúa, phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Biobac WP	héo xanh/ cà chua; phấn trắng/ dâu tây; thối rễ/ súp lơ, sưng rễ/ bắp cải; vàng lá thối rễ/ cam; héo xanh vi khuẩn/ ớt, hoa cúc	Bion Tech Inc.,
		Bionite WP	đốm phấn vàng, phấn trắng/ dưa chuột, bí xanh; sương mai/ nho; mốc sương/ cà chua; biến màu quả/ vải; héo vàng, chết cây con/ lạc; đen thân/ thuốc lá; đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; bệnh còng, chết cây con/ hành tây	Công ty TNHH Nông Sinh
		Mostika 10^9 cfu/ml SL	chết nhanh/hồ tiêu; thối nhũn/bắp cải	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Moti-V 100WP	mốc xám/cà chua	Công ty TNHH TM Hải Thụy
		Rebaci 100WP	vàng lá thối rễ/ cam, quýt	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Subtial 100WP	khô vằn/lúa	Công ty CP Nông dược HAI

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
114	*Bacillus amyloliquefaciens (Bacillus subtilis)* QST 713	Serenade SC	thối đen/bắp cải; loét/ cam; đạo ôn/lúa; sương mai/ hành; đốm vòng/ cà chua; phấn trắng/ dưa chuột; đốm lá/chuối; loét vi khuẩn/bưởi; héo xanh vi khuẩn/khoai tây; chết rạp cây con/ớt; đốm lá/xoài	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
	Bacillus amyloliquefaciens AT-332	Miyabi WG	phấn trắng/ ớt chuông, dưa lưới	Công ty CP Việt Thắng Group
	Bacillus amyloliquefaciens CL3	Sinsmart SC	mốc xám/dâu tây; đốm lá vi khuẩn/cải bắp; loét/cam	Sinon Corporation
115	Bemystrobin (min 98%)	Bemy 100SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
116	Benalaxyl (min 94%)	Dobexyl 50WP	giả sương mai/ dưa hấu, đốm lá/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
117	Benthiavalicarb-isopropyl (min 91%)	Hida 15WG	mốc sương/ dưa chuột, sương mai/ khoai tây, giả sương mai/dưa hấu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
118	Benthiavalicarb-isopropyl 1.75% + Mancozeb 70.0%	Valbon 71.75WG	sương mai/ cà chua, chết nhanh/ hồ tiêu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
119	Berberine	Antiba 4SL	đốm góc cạnh vi khuẩn/ cà chua, dưa chuột	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		ET-Hebal 5SL	chết nhanh/ hồ tiêu; mốc xám/cà chua	Shanghai E-Tong Chemical Co., Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
120	Bismerthiazol (Sai ku zuo) (min 90%)	Agpicol 200WP	bạc lá/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Anti-xo 200WP	bạc lá, thối gốc vi khuẩn/lúa, loét vi khuẩn/ cam; thối đen vi khuẩn/bắp cải; đốm lá vi khuẩn/cà chua, đậu tương; héo xanh vi khuẩn/ớt; đốm đen vi khuẩn/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Asusu 20 WP	bạc lá/ lúa, loét/ cam	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Benita 250 WP	bạc lá/lúa	Công ty C Nông nghiệp HP
		Diebiala 20SC	bạc lá/ lúa, xì mủ/ xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Kadatil 300WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Sasa 25 WP	bạc lá/lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Sansai 200 WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		TT-atanil 250WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Delta Cropcare

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		TT Basu 250WP	bạc lá/lúa; thối nhũn/bắp cải; héo rũ/ khoai lang; đốm lá vi khuẩn/ hành	Công ty TNHH TM Tân Thành
		VK. Sakucin 25WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Xanthomix 20 WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Xiexie 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Zeppelin 200WP	bạc lá/lúa, phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
121	Bismerthiazol 15% + Copper hydroxide 60%	TT-Tafin 75WP	bạc lá/lúa; sương mai/khoai tây	Công ty TNHH TM Tân Thành
122	Bismerthiazol 350 g/kg + Fenoxanil 450 g/kg	Broken 800WP	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
123	Bismerthiazol 250g/kg + Fenoxanil 400g/kg + Sulfur 100g/kg	Bikin 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
124	Bismerthiazol 150g/kg + Gentamicin sulfate 15g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	ARC-clench 215WP	bạc lá, lép vàng vi khuẩn/lúa; héo rũ/hồ tiêu; đốm đen xì mủ/xoài	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Riazor 215WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
125	Bismerthiazol 150g/l + Hexaconazole 450g/l	TT-bemdex 600SC	khô vằn, bạc lá/ lúa; thán thư, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
126	Bismerthiazol 190 g/kg + Kasugamycin 10g/kg	Probicol 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
127	Bismerthiazol 290g/kg (475g/l) + Kasugamycin 10g/kg (25g/l)	Nanowall 300WP, 500SC	bạc lá/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
128	Bismerthiazol 200g/kg + Oxytetracycline hydrochloride 20g/kg	Tokyo-Nhật 220WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
129	Bismerthiazol 200g/kg + Oxolinic acid 200g/kg	Captivan 400WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Longantivo 400WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
130	Bismerthiazol 200 g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Probencarb 250WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
131	Bismerthiazol 150g/kg + Tecloftalam (min 96%) 100g/kg	Kasagen 250WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sieu sieu 250WP	bạc lá/ lúa; đốm sọc vi khuẩn/ lúa, ngô	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
132	Bismerthiazol 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Bitric 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
133	Bismerthiazol 400g/kg + Tricyclazole 375g/kg	Antigold 775WP	đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
134	Bismerthiazol 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Bimplus 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Tigondiamond 800WP	bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
135	Bismerthiazol 200g/kg + Tricyclazole 400g/kg + Sulfur 200g/kg	Antimer-so 800WP	bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
136	Bordeaux mixture (min 83.05%)	BM Bordeaux M 25WP	sương mai/ cà chua, rỉ sắt/ cà phê, sẹo/cam, tảo đỏ/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su, thán thư/ điều	Công ty TNHH Ngân Anh
		IC-Top 28.1SC	loét vi khuẩn/ cam; sương mai/ nho	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát
137	Boscalid (min 96%)	Ac-Bosca 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Bonito 50WG	mốc xám/nho	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Bosstar 25SC	phấn trắng/ nho	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Entry 500 WG	thối quả/ xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dontrump 500WG	mốc xám/ớt	Công ty TNHH US Agro
		Gap-boss 300SC	giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Gap Agro
		Kimono.apc 50WG	sương mai/đậu tương; lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		MDBosdan 500WG	thán thư/hồ tiêu; mốc xám/ớt	Công ty CP Mạnh Đan
		Wasaki 250SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TCT Hà Nội
138	Boscalid 240 g/l + Fludioxonil 60 g/l	Bolini 300SC	giả sương mai/dưa chuột; thán thư/xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
139	Boscalid 20% + Kresoxim- methyl 10%	Phonrx 30SC	phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
140	Boscalid 200g/l + Kresoxim-methyl 100g/l	Kelme 300SC	mốc xám/ớt	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
141	Boscalid 25% + Pyraclostrobin 10%	Mustang 35SC	thán thư/ hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
142	Boscalid 25% + Pyraclostrobin 13%	Rustona 38WG	đốm nâu/thanh long	Công ty TNHH Agro Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
143	Boscalid 25.2% (252 g/l) + Pyraclostrobin 12.8% (128g/l)	Bibos 380SC	sẹo/ cam, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Boscalos 380SC	thán thư/ớt	Công ty CP Tập đoàn Japec
		Boss-B 380SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Bostrobin 380SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Lessick 38WG	thán thư/ ớt	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Migu 38WG	giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bộ
		Mokoni 380SC	thán thư/cà chua	Công ty CP Nông nghiệp HP
144	Boscalid 20% + Pyraclostrobin 10%	Roteva 30SC	sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd.
145	Boscalid 420 g/l + Trifloxystrobin 140 g/l	Tribo 560SC	thán thư/xoài	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
146	Bromothalonil (min 95%) 370 g/kg + Myclobutanil 130 g/kg	Ang-Sachbenh 500WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
147	Bronopol (min 99%)	Totan 200WP	bạc lá, lép vàng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Xantocin 40WP	bạc lá, thối gốc do vi khuẩn/lúa; chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		TT-biomycin 40.5WP	bạc lá, lem lép hạt do vi khuẩn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
148	Bronopol 450g/kg + Salicylic acid 250g/kg	Sapol 700WP	bạc lá, thối bẹ/lúa; héo xanh vi khuẩn/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sieukhuan 700WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
149	Bupirimate (min 98%)	Ω-Buri 25ME	đạo ôn/ lúa, giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
150	*Burkholderia* sp. strain A396	Majestene 94.46 SL	tuyến trùng/cà phê, cà chua	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
151	Calcium Polysulfide	Lime Sulfur	phấn trắng/ nho, sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH ADC
152	Carpropamid (min 95%)	Newcado 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
153	Carvacrol 0.1% + Eugenol 2%	Senly 2.1SL	bạc lá, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ bí xanh; giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt	Công ty TNHH Trường Thịnh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
154	*Chaetomium cupreum*	Ketomium 1.5 x 10^6 Cfu/g bột	thối rễ, thối thân/ cà phê, hồ tiêu; đạo ôn/ lúa; héo rũ/ cà chua; đốm lá, phấn trắng/ cây hồng	Viện Di truyền nông nghiệp
		Vaciline 10^6SC	thán thư/ớt	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao
155	*Chaetomium* sp. 1.5 x 10^6 cfu/ml + *Trichoderma* sp 1.2 x 10^4 cfu/ml	Mocabi SL	sưng rễ, héo vàng/ bắp cải; héo vàng/ cà chua; thối gốc, thối lá/ hành tây; lem lép hạt/ lúa; thối gốc/ hồ tiêu; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
156	Chitosan	Fusai 50SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Jolle 1SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ vải, xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Kaido 50SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ xoài, vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Stop 5 SL, 15WP	**5SL:** tuyến trùng/cà rốt, cà chua, thanh long, hoa huệ, xà lách; héo dây, cháy lá, thối rễ, thối gốc/dưa hấu **15WP:** tuyến trùng/ cà rốt; sương mai/ dưa chuột; đốm nâu, đốm xám, thối búp, thối rễ, tuyến trùng/ chè; đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Ngân Anh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Thumb 0.5SL	bạc lá, khô vằn, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/ bí xanh; giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt; tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Nam Bắc
		Tramy 2 SL	tuyến trùng/ cải xanh, xà lách, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, bệnh héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; tuyến trùng, mốc sương/ dưa hấu; héo rũ/ lạc; đạo ôn, tuyến trùng/ lúa; đốm lá/ngô; thối quả/ vải, xoài; mốc xám/ xà lách	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Vacxilplant 8 SL	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
		Yukio 50SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
157	Oligo-Chitosan	Rizasa 3SL	đạo ôn, lem lép hạt, kích thích sinh trưởng/ lúa; thối ngọn, kích thích sinh trưởng/ mía; kích thích sinh trưởng/ chè; mốc xám, kích thích sinh trưởng/ dâu tây; phấn trắng, rỉ sắt, kích thích sinh trưởng/ đậu hà lan; mốc sương, kích thích sinh trưởng/ cà chua	Công ty TNHH Ngân Anh
158	Chitosan 5g/l + Kasugamycin 20g/l	Premi 25SL	lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
159	Chitosan tan 0.5% + Nano Ag 0.1%	Mifum 0.6SL	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
160	Chitosan 10g/l (10g/kg)+ Ningnanmycin 10g/l (17g/kg)	Hope 20SL, 27WP	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
161	Chitosan 20g/kg + Nucleotide 5g/kg	Daone 25WP	thán thư quả/vải; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
162	Chitosan 2% + Oligo-Alginate 10%	2S Sea & See 12WP, 12SL	**12WP:** đốm vòng/ cà rốt; thối đen vi khuẩn/ súp lơ xanh; rỉ sắt/ hoa cúc; kích thích sinh trưởng/ cải xanh, chè; đốm nâu, đốm xám/ chè **12SL:** đốm vòng/ cà rốt; thối đen vi khuẩn/ bắp cải; rỉ sắt/ hoa cúc; kích thích sinh trưởng/cải xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
163	Chitosan 19g/kg + Polyoxin 1g/kg	Starone 20WP	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải, thối búp/chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
164	Chitosan 1g/l (1g/kg) + Polyoxin B 20g/l (21g/kg)	Stonegold 21SL, 22WP	**21SL:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa **22WP:** đạo ôn, bạc lá/ lúa; thán thư/ vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
165	Chlorobromo isocyanuric acid (min 85%)	Hoả tiễn 50 SP	bạc lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
166	Chlorothalonil (min 98%)	Agronil 75WP	khô vằn/ lúa, sương mai/ dưa hấu	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Anhet 75WP	giả sương mai/dưa hấu, đốm lá/hành	Công ty CP Futai
		Arygreen 75 WP, 500SC	**75WP:** đốm vòng/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, vải thiều; đốm lá/ hành; thán thư/ xoài, điều **500SC:** thán thư/ điều, xoài; đốm lá/ hành, lạc; giả sương mai/ dưa hấu; sương mai/ cà chua, vải; chết rạp cây con/ ớt, ghẻ sẹo/cam	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Binhconil 75 WP	đốm lá/ lạc; đốm nâu/ thuốc lá; khô vằn/ lúa; thán thư/ cao su	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Chionil 750WP	thán thư/xoài; đốm lá/ hành; đốm vòng/ cà chua; giả sương mai/ dưa chuột; chết cây con/ ớt	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Clearner 75WP	sương mai/ dưa hấu; thán thư/ớt, xoài; sẹo/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Cornil 75WP, 500SC	sương mai/ khoai tây	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Daconil 75WP, 500SC	**75WP:** phấn trắng/ hoa hồng, dưa chuột; đốm lá/ hành, chè; bệnh đổ ngã cây con/	Công ty CP Việt Thắng Group

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			bắp cải, thuốc lá; đạo ôn, khô vằn/ lúa; thán thư/ vải, ớt, xoài, chanh leo, thanh long; sẹo, Melanos/ cam; mốc sương/ khoai tây; giả sương mai/dưa hấu; phấn trắng, mốc sương/ cà chua; sương mai/khoai tây **500SC:** đốm lá/lạc; thán thư/xoài, chè, dưa hấu, nhãn, chanh leo; mốc sương/cà chua; giả sương mai/ dưa chuột; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/ nho, vải; sẹo, Melanos/cam; mốc sương/ khoai tây; sương mai/ súp lơ, mướp; sương mai, thán thư, rỉ sắt/đậu côve; đốm lá/ cà tím; đốm mắt cua, thối cổ rễ/ mồng tơi; đốm mắt cua, phấn trắng/ ớt; lở cổ rễ/ su hào; sương mai, lở cổ rễ, mốc xám/ rau cải; rỉ sắt, sương mai, thán thư/đậu đũa; rỉ trắng/rau muống	
		Damssi 720SC	giả sương mai/ dưa chuột; đốm nâu/thanh long; sẹo/cam; thán thư/xoài, cà phê	Công ty CP Cửu Long
		Duruda 75WP	giả sương mai/ dưa hấu	FarmHannong Co., Ltd.
		Forwanil 50SC, 75WP	**50SC:** khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê **75WP**: đốm vòng/ cà chua, đốm nâu/ lạc, sương mai/ bắp cải	Forward International Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Fungonil 75WP	thán thư/cam	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Ronil 75WP	thán thư/xoài	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Rothanil 75 WP	rỉ sắt/ lạc	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Samconil 500SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP SAM
		Sinlonil 75WP	sương mai/dưa hấu	Sinon Corporation
		Sulonil 720SC, 750WP	**720SC**: sương mai/ dưa chuột, cà chua; đốm lá/ lạc; giả sương mai/ dưa chuột **750WP**: đốm lá/ lạc, mốc sương/ cà chua	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
		Top Line 75WP	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Thalonil 75 WP	sương mai/ dưa hấu, đốm vòng/ cà chua	Longfat Global Co., Ltd.
167	Chlorothalonil 60% (600g/kg) + Cymoxanil 15% (150g/kg)	Cythala 75 WP	khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
		Dipcy 750WP	phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
168	Chlorothalonil 600g/l + Fluoxastrobin (min 94%) 60g/l	Evito-C 660SC	đốm nâu/thanh long	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
169	Chlorothalonil 30% + Fosetyl-aluminium 50%	Calaeti 800WP	chết nhanh/ hồ tiêu; giả sương mai/dưa hấu; sương mai/vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
170	Chlorothalonil 500g/l + Hexaconazole 50g/l	Tisabe 550 SC	rỉ sắt/ cà phê; khô vằn/lúa; thán thư/dưa hấu, điều, xoài; đốm vòng/hành; vàng rụng lá/ cao su; ghẻ nhám/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
171	Chlorothalonil 500g/l + Hexaconazole 55g/l	Rubygold 555SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
172	Chlorothalonil 80g/kg + Mancozeb 560 g/kg	Mdancozeb 640WP	giả sương mai/dưa chuột; thán thư/vải	Công ty CP Mạnh Đan
173	Chlorothalonil 125g/kg + Mancozeb 625g/kg	Elixir 750WG	thán thư/dưa hấu, ớt, xoài, sầu riêng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
174	Chlorothalonil 400g/l + Metalaxyl 40g/l	Mechlorad 440SC	loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Bình Điền MeKong
175	Chlorothalonil 600g/kg + Metalaxyl 50g/kg	Dobins 650WP	rỉ sắt/ đậu tương, thán thư/ hồ tiêu, sương mai/ khoai tây	Công ty CP Nông dược Việt Thành
176	Chlorothalonil 40% + Metalaxyl-M 4%	Kevlar 44SC	phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
177	Chlorothalonil 200g/kg + Propineb 600g/kg	Dr.Green 800WP	thán thư/ xoài, sươngmai/dưa hấu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
178	Chlorothalonil 400g/l + Mandipropamid (min 93%) 40g/l	Revus Opti® 440SC	sương mai/ cà chua, mốc sương/ dưa chuột, nứt dây/ dưa hấu, thán thư/ xoài, đốm vòng, mốc sương/khoai tây, thán thư, thối rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
179	Chlorothalonil 400 g/l + Oxathiapiprolin 6g/l	Orondis® Opti 406SC	giả sương mai/dưa chuột, dưa hấu; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
180	Chlorothalonil 15% + Sulfur 35%	Suflonil 50SC	rỉ sắt/ hoa hồng	Công ty TNHH A2T Việt Nam
181	Chlorothalonil 20% (200g/kg) + Thiram 50% (500g/kg)	Extra Gold 70WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		TDC Mix 700WP	đốm lá/đậu tương	Công ty TNHH TDC Thành Nam
182	Chlorothalonil 35% (530g/l) + Tricyclazole 45% (25g/l)	Vanglany 80WP, 555SC	**80WP:** khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn, thối bẹ/ lúa **555SC:** thán thư/ cao su; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
183	Chlorothalonil 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Kimone 750WP	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt, đạo ôn/lúa, thán thư/cao su, thối củ/gừng	Công ty CP Nông dược Agriking

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
184	Citrus oil	MAP Green 6SL	thối búp, bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/ chè; thán thư/ ớt; mốc sương, bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nho; phấn trắng/ bầu bí; bọ phấn/ cà chua; bọ nhảy/ cải ngọt; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ dưa chuột; thán thư/ xoài; nhện lông nhung/nhãn; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều, chết ẻo cây con/lạc, xì mủ/cam, thán thư/điều; vàng rụng lá/ cao su; thán thư/ cà phê	Map Pacific Pte Ltd
185	Cnidiadin	Wifi 1.0EW	sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
186	Copper abietate (min 90%)	Abi copper 230EC	đốm lá/lạc	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Cocan 23EC	bạc lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Tiên Tiến
187	Copper acetate (min 98%)	Layboy 200WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
188	Copper acetate 4% + Moroxydine hydrochloride (min 98%) 16%	Hobyo 200WP	xoăn lá/thuốc lá	Công ty TNHH Được Mùa

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
189	Copper acetate 5% + Moroxydine hydrochloride 15%	Killvirus 20WP	Mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam
190	Copper citrate (min 95%)	Ải vân 6.4SL	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Heroga 64SL	lở cổ rễ/ đậu tương, lạc; tuyến trùng/ hồ tiêu; bạc lá, đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
191	Copper Hydroxide (min Cu 57.3%)	Ajily 77WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Champion 37.5SC, 57.6 DP, 77WP	**37.5SC:** đốm rong, chết chậm/hồ tiêu; tảo đỏ/cà phê, hồ tiêu **57.6DP:** rụng quả, tảo đỏ/cà phê **77WP:** nấm hồng/ cà phê	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Chapaon 770WP	sương mai/khoai tây	Côngty TNHH TM Bình Phương
		Copperion 77WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP VT NN Việt Nông
		Kocide® 46.1 WG	thán thư/ điều; bạc lá/ lúa; sương mai/khoai tây; chết nhanh, thán thư/ hồ tiêu; thán thư, thối rễ/cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Funguran-OH 50WP	bạc lá/ lúa	Agspec Asia Pte Ltd
		Hidrocop 77WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Map-Jaho 77 WP	rỉ sắt/ cà phê	Map Pacific Pte Ltd
		Omega-copperide 77WP	đốm lá/đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Zisento 77WP	khô cành khô quả/cà phê	Công ty CP Nicotex
192	Copper Hydroxide 22.9% + Copper Oxychloride 24.6%	Oticin 47.5WP	bạc lá/lúa; rỉ sắt/ hoa cúc	Công ty TNHH TM Tân Thành
193	Copper Hydroxide 461g/kg + Cymoxanil 60g/kg	Cipi 521WG	mốc sương/khoai tây	Agria S.A.
194	Copper Oxychloride (min Cu 55%)	Bacba 85WP	đốm đen/hoa hồng	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		BM super COC 85WP	thán thư/điều	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		Cocadama 85 WP	chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH AdamaViệt Nam
		Curenox oc 85WP, 85WG	**85WP:** chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/ điều; nấm hồng/ cao su **85WG:** tảo đỏ/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su, thán thư/điều	Công ty TNHH Ngân Anh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Đồng Cloruloxi 30 WP	sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Việt Thắng
		Epolists 85WP	bạc lá/lúa, rỉ sắt/cà phê, thán thư/ điều	Công ty CP Thanh Điền
		Incopper 85WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Isacop 65.2WG	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Kỹ thuật Sinh học Mekong
		PN-Coppercide 50WP	đốm lá, thối thân/ lạc; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Phương Nam - Việt Nam
		Romio 300WP	sương mai/ khoai tây	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Supercook 85WP	đốm lá/lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Vidoc 30 WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
195	Copper Oxychloride 29% + Cymoxanil 4% + Zineb 12%	Dosay 45 WP	sương mai/ khoai tây; vàng rụng lá/cao su	Agria S.A.
196	Copper Oxychloride 16% + Kasugamycin 0.6%	New Kasuran 16.6WP	bạc lá/lúa, nấm hồng/cà phê, thán thư/điều; phấn trắng/ cao su; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
197	Copper Oxychloride 45% + Kasugamycin 2%	Copper gold 47WP	nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
		Kargate 470WP	phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH B.Helmer
198	Copper Oxychloride 45% + Kasugamycin 5%	BL. Kanamin 50WP	phấn trắng/ khoai tây, thán thư/ hoa hồng	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		BV. Cropamin 50WP	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Kasuran 50WP	cháy lá do vi khuẩn *Pseudomonas* spp/ cà phê, bệnh thối do vi khuẩn/ đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
199	Copper Oxychloride 755g/kg + Kasugamycin 20g/kg	Reward 775WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
200	Copper Oxychloride 39% + Mancozeb 30%	CocMan 69 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
201	Copper Oxychloride 43% + Mancozeb 37%	Cupenix 80 WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
202	Copper Oxychloride 47% + Metalaxyl 8%	Coup 55WP	chết nhanh/hồ tiêu; sương mai/khoai tây	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
203	Copper Oxychloride 50% + Metalaxyl 8%	Viroxyl 58 WP	sương mai/ khoai tây, chết vàng cây con/ lạc, chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
204	Copper Oxychloride 60% + Oxolinic acid 10%	Sasumi 70WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
205	Copper Oxychloride 6.6% + Streptomycin 5.4%	Batocide 12 WP	bạc lá/ lúa, giác ban/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
206	Copper Oxychloride 45% + Streptomycin sulfate 5%	K.Susai 50WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
207	Copper Oxychloride 17% + Streptomycin sulfate (Streptomycin) 5% + Zinc sulfate 10%	PN-balacide 32WP	bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, đen lép hạt/ lúa; bệnh thối lá/ cây hoa huệ; bệnh thối hoa/ cây hoa hồng; héo xanh/ khoai tây	Công ty TNHH Phương Nam - Việt Nam
		Vicilin 32WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
208	Copper Oxychloride 175g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg + Zinc sulfate 100g/kg	Parosa 325WP	bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa; mốc xám/ hoa hồng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
209	Copper Oxychloride 300g/kg + Zineb 200g/kg	Zincopper 50WP	rỉ sắt/ cà phê, phấn trắng/ cao su, đốm lá/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Vizincop 50WP	rỉ sắt, nấm hồng/cà phê, phấn trắng/cao su; thán thư/ điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
210	Copper Oxychloride 17% + Zineb 34%	Copforce Blue 51WP	rỉ sắt/ cà phê, mốc sương/khoai tây, thán thư/ hồ tiêu, đốm đen/ hoa hồng,	Agria S.A.
211	Copper sulfate pentahydrate (min 98%)	Super mastercop 21SL	bạc lá/lúa, rụng lóng chết dây/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Phyton 240SC	thán thư/ cà phê	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
212	Copper sulfate (Tribasic) (min 98%)	Bordocop super 25WP	xì mủ/cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Cuproxat 345SC	rỉ sắt/ cà phê, bạc lá/ lúa	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Dia Thuong Vuong 27.12SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Đồng Hóc Môn 24.5SG	đốm mắt cua/ thuốc lá	Công ty CP Hóc Môn
		Omega-coppersul 70WG	đốm lá/ đậu tương, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
213	Copper sulfate (Tribasic) 78.520% + Oxytetracycline 0.235% + Streptomycin 2.194%	Cuprimicin 500 81 WP	bạc lá/ lúa, chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
214	Copper sulfate (Tribasic) 345 g/l + Cymoxanil 35 g/l	Moltovin 380SC	bạc lá/ lúa; mốc sương/khoai tây	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
215	Copper sulfate 47.15% + Mancozeb 30%	Cuprofix Dispress 77.15WG	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
216	Cucuminoid 5% + Gingerol 0.5%	Stifano 5.5SL	thối nhũn, sương mai/ rau họ thập tự; bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa; thối gốc, chết cây con/ lạc, đậu đũa; héo xanh, mốc sương, héo vàng, xoăn lá/ cà chua, khoai tây; héo xanh, giả sương mai/ dưa chuột, bầu bí; đốm lá, thối gốc, bệnh còng/ hành; chảy gôm, thối nâu quả/ cam, quýt; khô hoa rụng quả/ vải; phồng lá, chấm xám/ chè; đốm đen, sương mai/ hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
217	Cuprous Oxide (min 97%)	Norshield 58WP, 86.2WG	**58WP**: vàng lá thối rễ/ cà phê **86.2WG**: thán thư/ điều, bạc lá/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Onrush 86.2WG	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Redpoint 86WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
218	Cuprous Oxide 60% + Dimethomorph 12%	Eddy 72WP	chết nhanh/hồ tiêu; thối quả/ ca cao; mốc sương/ khoai tây; vàng lá thối rễ/ cà phê, chết ẻo/ đậu xanh	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
219	Cyazofamid (min 93.5%)	Brilliant 35SC	giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Camaro 100SC	giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH Được Mùa
		Foxpro 100SC	giả sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Goalman 100SC	sương mai/cà chua	Công ty TNHH Goal
		Hafamid 100SC	giả sương mai/dưa chuột	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Lan
		NewFami 100SC	sương mai/ cà chua	Công ty CP S New Rice
		Rancher 100 SC	sương mai/ vải	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ranman 10 SC	sương mai/ cà chua, nho, dưa hấu, khoai môn; giả sương mai/ dưa chuột.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Shield-fast 200SC	sương mai/cà chua	Công ty TNHH SX và TM RVAC
		Sirocco 100SC	sương mai/hoa hồng	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Valent 20SC	mốc sương/khoai tây	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
220	Cyazofamid 85 g/l + Cymoxanil 170 g/l	Pilarzox 255SC	sương mai/ khoai tây	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd
221	Cyazofamid 8% + Dimethomorph 32%	Akita-Konho 40SC	sương mai/vải	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
222	Cyazofamid 8% + Dimethomorph 40%	NBC-Vixlet 48SC	mốc sương/cà chua	Công ty TNHH Nam Bắc
223	Cyazofamid 10% + Dimethomorph 30%	Boocpha 40SC	giả sương mai/dưa hấu	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Cymobgo 40SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM Nam Hải Group

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
224	Cyazofamid 5% + Fluazinam 25%	Pickup 30SC	đốm đen/hoa hồng	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
225	Cyazofamid 100 g/l + Flumorph (min 96%) 200g/l	Cyfamo 300SC	giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
226	Cyazofamid 10% + Pyraclostrobin 20%	Nacybin 30SC	mốc sương/khoai tây	Nanjing Agrochemical Co. Ltd.
227	Cyazofamid 10% + Pyraclostrobin 25%	Globole Master 35SC	phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH A2T Việt Nam
228	Cyazofamid 100g/l + Trifloxystrobin 250g/l	Cyrobin 350SC	giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
229	Cyclobutrifluram (min 95%)	Vaniva® 450 SC	tuyến trùng/ cà phê, cam, thanh long	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
230	Cyflufenamid (min 97%)	Cyflamid 5EW	phấn trắng/dưa chuột	Sumitomo Corporation Vietnam LLC
231	Cymoxanil (min 97%) 10% + Dimethomorph 40%	Copperaniltv 50WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Newfarm Việt Nam
232	Cymoxanil 20% + Dimethomorph 50%	Limo 70WG	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH TM DV Đức Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
233	Cymoxanil 25% + Famoxadone 25%	TT-Taget 50WG	đạo ôn/ lúa, sương mai/ khoai tây, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
234	Cymoxanil 30% (300g/kg) + Famoxadone 22.5% (225g/kg)	Equation® 52.5WG	khô vằn, bạc lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Cyfa 525WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Teamwork 525WG	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
235	Cymoxanil 8% + Fosetyl-aluminium 64%	Foscy 72 WP	chết cây con/ thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Đồng Xanh
236	Cymoxanil 8% (80g/kg) + Mancozeb 64% (640g/kg)	Bigzeb 72WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Cajet-M10 72WP	chết dây/ hồ tiêu; sương mai/ khoai tây; đốm lá/lạc, rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Carozate 72WP	chết nhanh, chết chậm/hồ tiêu; rỉ sắt/cà phê; sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Curzate®-M8 72WP	chết héo dây/ hồ tiêu, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Cycozeb 720WP	sương mai/khoai tây	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Cymanil 720WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP NN CMP
		Cymoplus 720WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH AgricareViệt Nam
		Dolphin 720WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNH Phú Nông
		Iprocyman 72WP	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Jack M9 72 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Kanras 72WP	sương mai/ hoa hồng, loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
		Manconil 72WP	chết nhanh/hồ tiêu; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Global Farm
		Navi-M8 72WP	sương mai/khoai tây	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Niko 72WP	sương mai/ hoa hồng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Razocide 720WP	loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Simolex 720WP	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Victozat 72WP	phấn trắng/ hoa hồng, rỉ sắt/ cà phê, sương mai/ khoai tây	Công ty CP Long Hiệp
		Xanized 72 WP	loét sọc mặt cạo/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp HP
237	Cymoxanil 8% + Mancozeb 67%	Cyzate 75WP	chết nhanh/ hồ tiêu, rỉ sắt/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
238	Cymoxanil 8% (8%) + Macozeb 60% (64%)	Kin-kin Bul 68WG, 72WP	**72WP:** vàng rụng lá/cao su, sương mai/ khoai tây **68WG:** chết cây con/thuốc lá; sương mai/ khoai tây; loét sọc mặt cạo/cao su	Agria S.A.
239	Cymoxanil 5% + Mancozeb 68%	Nautile 73WG	chết chậm/ hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
240	Cymoxanil 40g/kg + Mancozeb 720g/kg + Metalaxyl 40g/kg	Ridoxanil 800WP	loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Cali Agritech USA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
241	Cymoxanil 50g/l + Propamocarb.HCl 400g/l	Ambora Duo 450SC	mốc sương/khoai tây	Agria S.A.
242	Cymoxanil 60g/kg + Propineb 640g/kg	Antramix 700WP	khô vằn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
243	Cymoxanil 60 g/kg + Propineb 700g/kg	Tracomix 760WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
		Vival 760WP	đốm lá/ lạc; phấn trắng/cao su	Công ty CP Nông dược HAI
244	Cymoxanil 8% + Propineb 70%	Rudy 78WP	sương mai/ khoai tây, thán thư/ điều	Công ty CP Cửu Long
245	Cyproconazole (min 94%) 50g/l + Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Thecyp 350SE	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông tín AG
246	Cyproconazole 75 g/kg + Mancozeb 700 g/kg	Zenlovo 775WP	rỉ sắt/ đậu tương, đốm đen/hoa cúc	Công ty CP Nông nghiệp HP
247	Cyproconazole 80 g/l + Picoxystrobin 200 g/l	Acapela System® 280SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Picosuper 280SC	rỉ sắt/đậu tương, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
248	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 250g/l	Forlita Gold 330EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Neutrino 330EC	khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
		Nevo® 330EC	khô vằn, lem lép hạt, thối thân/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Newyo 330EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Sopha 330EC	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tigh super 330EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
249	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 260g/l	Protocol 340 EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
250	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 270g/l	Cy-pro 350EC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
251	Cyproconazole 10g/kg (80g/l) + Propiconazole 250g/kg (250g/l)	Newsuper 260WG, 330EC	260WG: lem lép hạt/lúa 330EC: khô vằn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
252	Cyprodinil (min 98%)	Aspire 500WG	thán thư/xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
253	Cyprodinil 500 g/kg + Myclobutanil 50 g/kg	Mydinil 550WP	đốm lá/ đậu tương, đốm đen/ hoa hồng, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH An Nông
254	Cytokinin (Zeatin) (min 99%)	Etobon 0.56SL	tuyến trùng/ lạc, cà rốt; lở cổ rễ/ bắp cải, cải củ; tuyến trùng, thối rễ/ chè; thối rễ/ hoa hồng	Công ty TNHH Được Mùa
		Geno 2005 2 SL	tuyến trùng/ dưa hấu, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, khô vằn/ lúa; tuyến trùng, mốc xám/ xà lách, cải xanh; héo rũ, tuyến trùng, mốc sương/ cà chua; héo rũ/ lạc; đốm lá/ ngô; thối quả/ vải, nho, nhãn, xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sincocin 0.56 SL	tuyến trùng, nấm Fusarium sp. gây bệnh thối rễ/ trong đất trồng bắp cải, lạc, lúa	Công ty CP Cali Agritech USA

(Xem tiếp Công báo số 07 + 08)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng